

Số: 106/2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) bán trú theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

b) Cơ sở giáo dục, bao gồm: trường phổ thông dân tộc bán trú; cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú; trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng

nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên).

c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Địa bàn, khoảng cách làm căn cứ để xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Địa bàn là các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I; thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

2. Khoảng cách từ nhà đến trường

a) Từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông hoặc cơ sở giáo dục thường xuyên.

b) Trường hợp phải đi qua địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá: Từ 2 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 3 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, từ 5 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông hoặc cơ sở giáo dục thường xuyên (*chi tiết địa bàn, khoảng cách theo Phụ lục I, II, III, IV kèm theo*).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Xây dựng, Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải